

Bản án số: 06/2021/DS-ST

Ngày: 24-6-2021

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ THỌ - TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Quang Huân

2. Bà Phạm Thị Ngọc Lan

- Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Thị Hoàng Quyên - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ.

Ngày 24 tháng 6 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2021/TLST-DS ngày 30 tháng 3 năm 2021 về tranh chấp Hợp đồng vay tài sản theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2021/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Ma Văn H - sinh năm 1961.

Địa chỉ: Khu 5, xã H, thị xã P, tỉnh Phú Thọ. (Có mặt)

Bị đơn: Anh Trần Văn M - sinh năm 1982 và chị Bùi Thị L - sinh năm 1985.

Cùng địa chỉ: Khu 5, xã H, thị xã P, tỉnh Phú Thọ. (anh M, chị L đều có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, những lời trình bày tiếp theo tại Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Ma Văn H trình bày:

Do mối quan hệ hàng xóm quen biết với nhau nên ngày 13/7/2017, ông có cho vợ chồng anh Trần Văn M và chị Bùi Thị L vay tiền để làm ăn với số tiền là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng). Khi vay vợ chồng anh Trần Văn M và chị Bùi Thị L có ký vào giấy cho vay tiền do ông viết với lãi suất 1%/tháng theo ngân hàng, thời hạn vay là 01 năm. Đến hạn trả nợ, ngày 13/7/2018, vợ chồng anh M, chị L không trả nợ theo thỏa thuận cho ông. Sau đó, đến năm 2019 vợ chồng anh M, chị L có trả nợ cho ông 3.000.000đ (Ba triệu đồng) tiền gốc. Ông đã đến đòi nhiều lần và lần đòi cuối cùng vào tháng 02/2021 nhưng anh M, chị L không trả. Nay ông yêu cầu vợ chồng anh M, chị L phải trả cho ông số tiền gốc

là 47.000.000đ (Bốn mươi bảy triệu đồng) và ông không yêu cầu tiền lãi vì vợ chồng anh M, chị L gặp khó khăn về kinh tế.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, vợ chồng anh Trần Văn M, chị Bùi Thị L trình bày: Ngày 13/7/2017, vợ chồng anh chị có vay của ông Ma Văn H số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng). Khi vay ông H có viết giấy cho vay tiền, vợ chồng anh chị có thỏa thuận lãi suất 1% trên tháng, thời hạn vay 1 năm. Đến hạn trả nợ, vợ chồng anh chị chưa có điều kiện trả nợ gốc cho ông H nhưng vợ chồng anh chị vẫn trả lãi cho ông H đến hết tháng 4/2020. Vợ chồng anh, chị đã trả được 3.000.000đ (Ba triệu đồng) tiền gốc. Đến nay còn nợ lại ông H 47.000.000đ (Bốn mươi bảy triệu đồng) tiền gốc. Do điều kiện làm ăn thua lỗ nên vợ chồng anh, chị chưa có điều kiện trả cho ông H. Nay ông H yêu cầu vợ chồng anh, chị trả toàn bộ nợ gốc anh, chị hoàn toàn nhất trí nhưng mỗi tháng xin trả 500.000đ đến 1.000.000đ cho đến khi trả nợ xong. Nếu ông H không đồng ý đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa. Trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng:* Tranh chấp giữa ông Ma Văn H và vợ chồng anh Trần Văn M, chị Bùi Thị L là tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn là vợ chồng anh Trần Văn M, chị Bùi Thị L cư trú tại xã H, thị xã P, tỉnh Phú Thọ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã P theo quy định tại khoản 3 điều 26, khoản 1 điều 35 và khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng các đương sự không thống nhất được với nhau về toàn bộ nội dung vụ án nên vụ án phải đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

[2]. *Về nội dung vụ kiện:*

Xét việc vay nợ giữa ông Ma Văn H và vợ chồng anh Trần Văn M, chị Bùi Thị L được các bên đương sự đều thừa nhận, thể hiện trong giấy cho vay tiền ngày 13/7/2017 do ông H viết và vợ chồng anh Trần Văn M, chị Bùi Thị L đều ký vào giấy này với số tiền vay của ông H là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng). Đây là hợp đồng vay tài sản có sự tự nguyện, thỏa thuận của các bên, nội dung và hình thức phù hợp với quy định tại điều 463 Bộ luật dân sự nên được pháp luật thừa nhận vào bảo vệ. Đến thời hạn thỏa thuận trong giấy vay tiền vợ chồng anh M, chị L không trả được nợ và chỉ trả được lãi đến hết tháng 4/2020 và trả được 3.000.000đ (Ba triệu đồng) tiền gốc, còn nợ lại 47.000.000đ (Bốn mươi bảy triệu đồng) tiền gốc.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành làm việc với vợ ông H là bà Ma Thị T thừa nhận đây là khoản tiền riêng của ông H cho vợ chồng anh M, chị L vay không liên quan đến tài sản chung của vợ chồng ông, bà. Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều thừa nhận đến nay vợ chồng anh M, chị L còn nợ

của ông H là 47.000.000đ (Bốn mươi bảy triệu đồng) tiền gốc nhưng các bên đương sự không thống nhất được thời hạn và phương thức trả nợ. Chính vì vậy, việc ông H khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh M, chị L trả nợ là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông H, buộc vợ chồng anh M, chị L phải trả cho ông H số tiền 47.000.000đ (Bốn mươi bảy triệu đồng).

Ông Ma Văn H không yêu cầu vợ chồng anh M, chị L trả tiền lãi đến khi giải quyết xong vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. *Về án phí*: Yêu cầu khởi kiện của ông Ma Văn H được chấp nhận toàn bộ nên ông H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vợ chồng anh Trần Văn M, chị Bùi Thị L phải chịu 47.000.000đồng x 5% = 2.350.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 điều 26; khoản 1 điều 35; khoản 1 điều 39 và khoản 1 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điều 463, điều 466, điều 468, điều 357 Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 2 điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Ma Văn H.

Xử: Buộc vợ chồng anh Trần Văn M, chị Bùi Thị L có nghĩa vụ trả cho ông Ma Văn H số tiền 47.000.000đ (Bốn mươi bảy triệu đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày ông H có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, vợ chồng anh M, chị L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí: Vợ chồng anh Trần Văn M, chị Bùi Thị L phải chịu 2.350.000đ (Hai triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Ma Văn H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Ma Văn H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.250.000đ (Một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002676 ngày 30 tháng 3 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phú Thọ.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thị;
- Đương sự;
- Chi cục THADS thị xã;
- Lưu hồ sơ (2 bản);
- Lưu văn phòng.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Thu Hiền